

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Ngọc Thiện (Bì) huyện Tân Yên,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng Vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 1194-TB/TU ngày 27/7/2023 của Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 258/TTr-SXD ngày 08/11/2023 kèm theo Báo cáo số 508/BC-SXD ngày 08/11/2023; UBND huyện Tân Yên tại Tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 02/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Ngọc Thiện (Bi) huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000), với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi và ranh giới.

a) *Vị trí, ranh giới nghiên cứu:*

Phạm vi nghiên cứu bao gồm toàn bộ diện tích của xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên. Ranh giới nghiên cứu được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Ngọc Châu và Song Vân;
- + Phía Nam giáp huyện Việt Yên;
- + Phía Đông giáp xã Cao Xá và Ngọc Lý;
- + Phía Tây giáp xã Ngọc Vân.

b) *Quy mô diện tích:*

- Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: Khoảng 1.392,09 ha;

2. Tính chất.

- Trung tâm kinh tế tổng hợp đa ngành của tiểu vùng phía Nam huyện Tân Yên.
- Trung tâm dịch vụ hỗ trợ phát triển công - nông nghiệp cấp tiểu vùng.
- Là khu vực phát triển công nghiệp - nông nghiệp công nghệ cao.

3. Quy mô dân số.

- Giai đoạn đến năm 2030: khoảng 24.700 người;
- Giai đoạn đến năm 2040: khoảng 32.000 người.

4. Cơ cấu sử dụng đất.

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

STT	Danh mục đất	Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên (A+B)	1.392,09	100
	Đất xây dựng	982,27	70,56
	Đất khác	409,82	29,44
A	Đất xây dựng (I+II)	982,27	70,56
I	Đất dân dụng	484,25	34,79
1	Đất nhóm nhà ở	313,21	22,50
1.1	<i>Đất nhóm nhà ở hiện trạng (không tính đất vườn tạp, hoa màu xen kẽ trong khu dân cư)</i>	213,52	15,34

1.2	Đất nhóm nhà ở mới	99,69	7,16
2	Đất giáo dục	9,97	0,72
2.1	Trường THPT	1,99	0,14
2.2	Trường THCS, tiểu học, mầm non	7,98	0,57
3	Đất dịch vụ công cộng cấp đô thị	20,02	1,44
4	Đất cơ quan, trụ sở	1,39	0,10
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	22,86	1,64
6	Đất giao thông đô thị	111,19	7,99
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	5,61	0,40
II	Đất ngoài dân dụng	498,02	35,77
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	317,48	22,81
2	Đất Trung tâm đào tạo, nghiên cứu	2,86	0,21
3	Đất dịch vụ, du lịch	63,94	4,59
4	Đất trung tâm y tế	1,50	0,11
5	Đất cây xanh chuyên dụng	43,86	3,15
6	Đất di tích, tôn giáo	5,69	0,41
7	Đất an ninh	0,43	0,03
8	Đất quốc phòng	2,64	0,19
9	Đất giao thông đối ngoại	41,43	2,98
10	Đất nghĩa trang	18,19	1,31
B	Đất khu nông nghiệp và chức năng khác	409,82	29,44
1	Đất sản xuất nông nghiệp	291,18	20,92
2	Đất lâm nghiệp (rừng sản xuất)	2,47	0,18
3	Đất nuôi trồng thủy sản	50,52	3,63
4	Hồ, ao, đầm	13,78	0,99
5	Sông, suối, kênh, rạch	15,14	1,09
6	Đất dự trữ phát triển	36,73	2,64

5. Định hướng phát triển không gian và các khu vực phát triển.

a) Phân vùng kiểm soát khu vực phát triển:

Trên cơ sở về địa hình, cảnh quan tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, giao thông và các dự án đã và đang hình thành, nghiên cứu đề xuất 4 khu vực phát triển chính cho đô thị Ngọc Thiện như sau:

- Khu số 1: Khu đô thị trung tâm hiện hữu cải tạo: Là trung tâm của đô thị, trung tâm hành chính của thị trấn tương lai cùng với việc phát triển hệ thống trung tâm thương mại dịch vụ, dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang và bổ sung các quỹ đất công cộng cấp đô thị: Trung tâm văn hóa thể dục thể thao, hệ thống công viên cây xanh mặt nước cho toàn đô thị.

- Khu số 2: Khu đô thị phức hợp công nghiệp dịch vụ cửa ngõ phía Bắc: Là khu vực dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang kết hợp các khu dân cư phát triển mới về phía Đông Bắc kênh Chính; phát triển các khu dịch vụ hỗ trợ cho cụm Công nghiệp; phát triển du lịch văn hóa tâm linh, phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao gắn với cảnh quan hệ thống ngòi Cầu Đồng.

- Khu số 3: Khu đô thị dịch vụ công nghiệp cửa ngõ phía Nam: Là khu vực phát triển thương mại dịch vụ cửa ngõ phía Nam gắn với ĐT 398B; là khu công nghiệp Ngọc Thiện, khu vực dự trữ phát triển đô thị trong tương lai.

- Khu số 4: Khu đô thị dịch vụ công nghiệp kết hợp du lịch sinh thái phía Tây: Là một phần khu công nghiệp Ngọc Thiện gắn với khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang kết hợp khu ở mới; phát triển dịch vụ du lịch gắn với cảnh quan hệ sinh thái mặt nước ngòi Đa Mai.

b) Định hướng không gian tổng thể:

- Tại khu vực trung tâm xã Ngọc Thiện và khu vực Bì hiện tại: Cơ bản tuân thủ các nguyên tắc định hướng quy hoạch chung được duyệt năm 2015, vì chỉnh một số ô đất cho phù hợp với thực tại phát triển, điều chỉnh một số tuyến đường để tạo liên kết với khu vực được mở rộng và vùng lân cận, bổ sung định hướng các khu vực phát triển mới.

- Phát triển và nâng cấp 2 bên kênh chính là đường trục kết nối thị trấn với ĐT 295 về phía Bắc và ĐT 398B về phía Nam. Khai thác kênh trở thành trục cảnh quan chính đô thị.

- Hình thành tuyến đường trục chính đô thị theo hướng Bắc - Nam nằm về phía Đông trung tâm hành chính thị trấn làm trục động lực chính phát triển cho đô thị, kết nối trung tâm thị trấn với ĐT 295 về phía Bắc và ĐT 398B về phía Nam. Hình thành mạng lưới đường liên khu vực kết khu vực bố trí theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây từ các tuyến đường này sẽ đấu nối với các trục đường liên xã, trục xã, trục thôn để tạo thành hệ thống giao thông hoàn chỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế và vùng nông thôn của xã Ngọc Thiện.

- Xây dựng các tuyến đường khu vực tăng cường kết nối các khu chức năng của đô thị theo các hướng Đông Tây và Bắc Nam đồng thời hình thành các cụm trung tâm công cộng, hỗn hợp thương mại, dịch vụ của đô thị.

- Hình thành tuyến đường vành đai phía Tây kết nối từ ĐT 398 B tới ĐT 294 B qua các khu công nghiệp giải quyết các áp lực lưu lượng giao thông từ các khu công nghiệp.

- Khu vực phía Bắc giáp xã Ngọc Châu, khu phía Tây giáp xã Ngọc Vân và phía Nam giáp huyện Việt Yên xây dựng các khu, cụm công nghiệp và các trung tâm dịch vụ hỗ trợ cho các khu cụm công nghiệp.

- Khu vực trung tâm: Cải tạo chỉnh trang dân cư hiện hữu mật độ cao bổ sung các khu ở mới, bổ sung quỹ đất công cộng của đô thị. Khu vực phát triển mới tập trung về phía Bắc kênh Chính hình thành khu đô thị mới đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Khu vực phía Đông và phía Tây: Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư làng xóm hiện hữu gắn với hệ thống ngòi Cầu Đồng và ngòi Đa Mai, khai thác phát triển mô hình nông nghiệp sạch, tập trung, chất lượng cao, phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tâm linh.

- Các không gian còn lại sẽ tiếp tục phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản và là vùng dự trữ cho phát triển đô thị.

c) Định hướng tổ chức mạng lưới trung tâm:

- Trung tâm tổng hợp đô thị: Gồm trung tâm hành chính, công cộng, công viên cây xanh đô thị, thương mại dịch vụ - hình thành trên cơ sở cải tạo mở rộng trung tâm hiện hữu, bổ sung hệ thống công viên cây xanh mặt nước đô thị, bổ sung trung tâm văn hóa thể dục thể thao cho thị trấn tạo thành khu trung tâm đô thị hiện đại, đồng bộ.

- Trung tâm công viên cây xanh mặt nước đô thị được bố trí về phía Đông trung tâm hành chính của thị trấn dọc tuyến trục chính của đô thị.

- Trung tâm văn hóa thể dục thể thao của thị trấn được bố trí nằm về phía Tây thôn Tân Lập 2 tiếp giáp với Khu công nghiệp Ngọc Thiện.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ đô thị cấp tiểu vùng: Bố trí tại cửa ngõ phía Bắc kết nối từ ĐT 295 và phía Nam kết nối từ ĐT 398B qua trục chính của đô thị.

- Trung tâm dịch vụ du lịch bố trí phía Tây của thị trấn (khu vực tiếp giáp các thôn Đồng Lâm, Thôn Trung, Thôn Cả).

- Các trung tâm công cộng đô thị, đơn vị ở khác: Hình thành tại lõi các đơn vị ở, cung ứng hạ tầng xã hội cho các đơn vị ở.

6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường tỉnh 295 (mặt cắt 1-1): rộng 31,0m. Trong đó: Lòng đường chính rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; lề đường 2 bên rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$; hành lang bảo vệ 2 bên rộng $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$;

+ Đường tỉnh 398B (mặt cắt 2-2) rộng 59,0m. Trong đó: Mặt đường chính rộng $2 \times 11,5\text{m} = 23\text{m}$ (*Phần xe chạy $2 \times (3 \times 3,5) = 21,0\text{m}$; dải mép và dải an toàn $2 \times (2 \times 0,5) = 2,0\text{m}$*); đường gom hai bên $2 \times 9,0\text{m} = 18,0\text{m}$; dải phân cách $3,0\text{m} + 1,5 \times 2 = 6,0\text{m}$; hè đường hai bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

- Giao thông đối nội:

Đường chính đô thị:

+ Mặt cắt (3-3) rộng 57,0m. Trong đó: Lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; đường gom hai bên $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 6,0m; dải phân cách đường gom $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$; hè đường hai bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (4-4) rộng 39,0m. Trong đó: Lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 6,0m; hè đường hai bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

Đường liên khu vực:

+ Mặt cắt (5-5) rộng 35,0m. Trong đó: Lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 2,0m; hè đường hai bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (5'-5') rộng 37,0m. Trong đó: Lòng rộng $2 \times 11,75\text{m} = 23,5\text{m}$; dải phân cách rộng 1,5m; hè đường hai bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (6-6) rộng 36,0m. Trong đó: Lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa rộng 3,0m; hè đường hai bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (7-7) rộng 15,5m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,5m; vỉa hè bờ kênh rộng 2,0m; hè đường bên khu dân cư rộng 6,0m;

Đường khu vực:

+ Mặt cắt (8-8) rộng 22,5m. Trong đó: Lòng đường rộng $5,25 \times 2 = 10,5\text{m}$; hè đường hai bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$;

+ Mặt cắt (9-9) rộng 20,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 8,0m; hè đường hai bên rộng $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

b) San nền:

- San gạt tạo mặt bằng công trình, nền đường giao thông đảm bảo: Nền khu đất xây dựng an toàn, ổn định, tránh bị ngập úng.

- Cốt cao độ của các nút giao thông nội bộ phải đồng bộ với hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo thoát nước mưa tự chảy. Tất cả các lô đất được bao quanh bởi đường giao thông được thiết kế dốc thấp dần về phía đường với độ dốc nền tối thiểu 0,004.

- Không chế cao độ nền:

+ Đối với khu vực hiện trạng: Giữ nguyên cao độ nền, chỉ san nền cục bộ. Các khu vực lõi trũng từng bước cải tạo nền, tôn nền đến cao độ không chế tối thiểu hoặc có giải pháp nền móng công trình tránh gây ngập úng.

+ Đối với khu vực xây mới:

Tôn nền đến cao độ an toàn, kết nối hài hòa với khu vực hiện trạng.

Khu vực dân dụng: Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{x\text{dmin}} \geq 7,50\text{m}$.

Khu vực công nghiệp: Cao độ nền xây dựng tối thiểu: $H_{x\text{dmin}} \geq 8,00\text{m}$.

c) Thoát nước mưa:

Lưu vực phân chia phân tán nhằm thoát nhanh, triệt để, bao gồm 2 lưu vực chính và các tiêu lưu vực phụ thoát về hệ thống hồ điều hòa, kênh tiêu rồi thoát ra sông, ngòi.

Lưu vực 1: phía Đông Bắc thoát ra ngòi Cầu Đông.

Lưu vực 2: phía Tây Nam thoát ra ngòi Đa Mai.

- Khu vực hiện trạng cải tạo: Thoát chung, dài hạn cải tạo thành hệ thống nửa riêng.

- Khu vực xây mới: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn, chế độ tiêu thoát tự chảy.

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa là hệ thống cống tròn bê tông cốt thép D600 ÷ D1500 và hệ thống cống hộp BxH=2.0x2.0 ÷ BxH=3.0x3.0 chạy dọc các tuyến đường giao thông để thu gom nước mưa trên mặt đường và từ công trình.

- Đầu nối hệ thống thoát nước của các khu vực dân cư hiện trạng với khu vực dự án.

- Tính toán tiết diện cống gồm cả lưu vực dân cư hiện trạng.

- Mạng lưới cống thoát nước mưa dự kiến chạy 1 bên lòng đường hoặc vỉa hè.

- Chỉ tiêu bố trí giếng kiểm tra:

+ Giếng kiểm tra được bố trí tại những vị trí đầu nối các tuyến cống.

+ Những vị trí chỗ thay đổi hình thức kết cấu cống và vị trí thay đổi kích thước đường kính cống.

+ Những vị trí đổi chiều dòng chảy.

+ Khoảng cách trung bình của các giếng kỹ thuật từ 30÷50m.

- Bố trí hố ga, cửa thu nước: bố trí theo tuyến ống, phía dưới đường sát vỉa hè theo cự ly tập trung nước thích hợp, có nắp đan đậy và lưới chắn rác, lọc cát...

- Độ sâu chôn cống được khống chế:

+ Cống đi dưới lòng đường: 0,5m.

+ Cống đi trên vỉa hè và khu cây xanh: 0,3m.

- Độ dốc thủy lực khống chế:

+ Độ dốc thủy lực bám sát độ dốc dọc đường ở mức tối đa: $I \text{ dọc} \geq i/D$ (D: đường kính cống).

d) Cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn đô thị:

+ Đến năm 2030: 11.000 m³/ngđ;

+ Đến năm 2040: 18.500 m³/ngđ;

- Công trình đầu mối:

+ Xây mới trạm bơm tăng áp công suất đến năm 2030: 5.000 m³/ngđ, đến năm 2040: 8.500 m³/ngđ, giai đoạn đầu lấy nước sạch từ nhà máy nước DNP - Bắc Giang dẫn về qua đường ống truyền dẫn Ø1000 mm nằm trên QL1A cấp

nước sinh hoạt cho toàn bộ đô thị Ngọc Thiện và cụm công nghiệp Ngọc Vân, dài hạn bổ sung thêm nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã;

+ Xây mới nhà máy nước KCN Ngọc Thiện công suất đến năm 2030: 4.200 (phạm vi nghiên cứu: 4.000 m³/ngđ), đến năm 2040: 7.000 m³/ngđ, khai thác nguồn nước mặt sông Cầu;

+ Xây mới nhà máy nước KCN Thượng Lan - Minh Đức - Ngọc Thiện công suất đến năm 2030: 2.200 m³/ngđ (Phạm vi nghiên cứu: 2.000 m³/ngđ), đến năm 2040: 3.000 m³/ngđ, khai thác nguồn nước mặt sông Cầu.

- *Mạng lưới cấp nước:*

+ Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng khép kín và một số mạng nhánh đảm bảo cấp nước đến khu dân cư;

+ Thiết kế mới tuyến ống nước thô có đường kính 2Ø300, 2Ø250mm lấy nước từ sông Thương cấp về nhà máy nước KCN Ngọc Thiện và nhà máy nước KCN Thượng Lan-Minh Đức-Ngọc Thiện;

+ Thiết kế tuyến ống truyền tải Ø400 mm đầu nối với tuyến ống hiện có Ø1000 mm trên QL 1A lấy nước sạch từ nhà máy nước DNP - Bắc Giang về;

+ Thiết kế tuyến ống phân phối có đường kính từ Ø110 mm ÷ Ø400 mm lấy nước từ trạm bơm tăng áp Ngọc Thiện về;

+ Áp lực nước: Mạng lưới cấp nước được tính toán với áp lực tự do 12m, các khu vực cao tầng hơn đặt trạm bơm tăng áp cục bộ cho từng công trình.

đ) Cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực nghiên cứu đến năm 2040 là 68.32MW, trong đó phụ tải công nghiệp là 46,48MW, phụ tải dân dụng là 21.84MW.

+ Nguồn điện: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện năng như đã tính toán nêu trên. Để đảm bảo cung cấp điện trong khu vực nghiên cứu đến năm 2040 cần xây dựng các công trình đầu mối sau:

- Nguồn điện: Trạm 110/35/22kV Tân Yên mới vận hành, đề xuất nâng công suất lên 2x40MVA. Như vậy nguồn cấp cho khu vực sẽ là trạm 110kV Tân Yên sử dụng lưới trung áp 22kV, sẽ đảm bảo cung cấp điện trong tương lai lâu dài cho đô thị Ngọc Thiện và các khu vực phụ cận.

- Phụ tải công nghiệp giai đoạn đầu sử dụng nguồn từ trạm 110kV Tân Yên, tuy nhiên khi đã lắp đầy các khu cụm công nghiệp cần xây dựng trạm 110kV riêng cho phần phụ tải công nghiệp. Dự kiến công suất trạm 110kV mới là 1x63MVA.

+ Lưới trung áp 22kV:

- Với nhu cầu công suất sinh hoạt 21.84MW, vẫn sẽ sử dụng 2 tuyến 22kV hiện có cung cấp cho khu vực.

- Xây dựng 2 tuyến 22kV mới từ trạm 110kV Tân Yên kết nối với lưới 22kV hiện có cung cấp cho khu vực.

- Các khu đô thị đã ổn định, về Quy hoạch lưới điện phải được ngầm hóa để đảm bảo cảnh quan đô thị, tránh đầu tư nhiều lần. Để thuận tiện trong vận hành, lắp đặt, sửa chữa đường cáp ngầm nên bố trí trong hào cáp kỹ thuật chung. Tiết diện các tuyến trục sử dụng cáp bọc XLPE - 185 cho đường dây nổi trong các khu công nghiệp và vùng ngoại thị, cáp ngầm chống thấm dọc XLPE -240 cho các khu nội thị.

Cấu trúc lưới 22kV theo mạng mạch vòng vận hành hở, hoặc có liên kết với lưới trung áp của các trạm 110kV lân cận.

+ Trạm hạ áp 22/0,4kV:

- Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành. Các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm 22/0,4kV.

- Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu. Bán kính phục vụ các trạm hạ áp không quá 400m.

- Giữ lại 20 trạm 22/0,4kV hiện trạng và nâng công suất lên tối thiểu 400kVA. Lắp đặt thêm trạm mới với tổng công suất đặt là 21700kVA. Như vậy có thể cung cấp tin cậy cho toàn khu vực mà không gây quá tải cho máy biến áp.

- Các trạm 22/0,4kV dùng trạm kios đảm bảo mỹ quan đô thị, có thể sử dụng trạm treo ở các khu vực nông thôn.

- Trạm 22/0,4kV mới có công suất từ 100kVA đến 630kVA cho sinh hoạt công cộng, khu vực công nghiệp sẽ tùy nhu cầu cụ thể (gợi ý sử dụng gam máy 750,1000kVA).

+ Lưới hạ áp 0,4kV:

- Mạng lưới 0,4kV hiện có tại các tuyến liên thôn giữ nguyên. Sẽ cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ.

- Các tuyến 0,4kV có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện.

- Đường dây 0,4kV bố trí đi nổi dùng dây nhôm cách điện PVC hoặc cáp vặn xoắn ABC

+ Đường trục: ABC (4x95) trở lên.

+ Đường nhánh: ABC (4x50) trở lên.

- Kết cấu lưới hạ thế 0,4kV theo mạng hình tia.

+ Lưới chiếu sáng:

- Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng. Tất cả các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4m đều được chiếu sáng.

- Các trục đường trung tâm, xây dựng mới tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dùng cáp XLPE.

- Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư bố trí đi nổi kết hợp với tuyến điện 0,4kV cấp điện cho sinh hoạt.

- Các thiết bị chiếu sáng dùng đèn compact hiện đại tiết kiệm điện năng.
- Lưới chiếu sáng đảm bảo độ rọi theo quy chuẩn quy định.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- *Thoát nước thải:* Hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa; toàn bộ phạm vi nghiên cứu quy hoạch được chia thành 02 lưu vực. Trong đó:

+ Lưu vực số 1: Phía Bắc kênh chính; toàn bộ nước thải sinh hoạt của lưu vực này được thu gom về các trạm bơm trung chuyển số 1 có công suất 1500 m³/ngđ bơm chuyển sang lưu vực 2;

+ Lưu vực số 2: Phía Nam kênh chính; toàn bộ nước thải sinh hoạt của lưu vực này và lưu vực 1 được thu gom về trạm xử lý nước thải số 1 có công suất 4000 m³/ngđ.

+ Nước thải từ các khu/ cụm công nghiệp: Xây dựng các trạm xử lý nước thải công nghiệp riêng: Khu công nghiệp Ngọc Thiện: 3400 m³/ngđ; khu công nghiệp Ngọc Thiện GD 2: 1000 m³/ngđ; khu công nghiệp Minh Đức- Thượng Lan- Ngọc Thiện: 2000 m³/ngđ; cụm công nghiệp Ngọc Châu: 850 m³/ngđ.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến khu xử lý Chất thải rắn chất thải rắn tập trung của huyện;

+ Khu xử lý CTR tập trung của toàn huyện dự kiến đặt tại xã Liên Chung với quy mô công suất khoảng 150 tấn/ngày và diện tích khoảng 15 ha.

- Nghĩa trang:

+ Dự kiến xây dựng mới 01 nhà tang lễ cho đô thị bên trong công viên nghĩa trang quy hoạch mới tại khu vực nghĩa trang khu Mỗ - Chè;

+ Đối với các nghĩa trang hiện có trong phạm vi đô thị: Từng bước, có lộ trình dừng chôn cất mới (hung táng) tại các nghĩa trang hiện có, chỉ tiếp nhận mộ cát táng, hỏa táng. Tại các nghĩa trang này sẽ cải tạo, trồng thêm cây xanh;

+ Tại khu vực nghĩa trang hiện có khu Mỗ- Chè, dự kiến quy hoạch mở rộng thêm 2ha thành công viên nghĩa trang tập trung với tổng diện tích khoảng 5,5ha (trong đó có khoảng 3,5ha diện tích nghĩa trang hiện trạng).

g) Thông tin liên lạc:

- Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông với công nghệ hiện đại, độ phủ rộng khắp, tốc độ và chất lượng cao;

- Phát triển nhanh mạng lưới và các dịch vụ mới, dịch vụ giá trị gia tăng đáp ứng nhu cầu xã hội và dịch vụ của đô thị;

- Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình, đặc biệt là trong việc thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử trên địa bàn đô thị Ngọc Thiện.

h) Đánh giá môi trường chiến lược: Đồ án đã đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường; Đảm bảo kiểm soát và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực, ảnh hưởng môi trường tự nhiên, đời sống vật chất, tinh thần của người dân; đồng thời tạo động lực thúc đẩy kinh tế khu vực và huyện Tân Yên theo tiêu chí phát triển bền vững.

7. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư.

- Dự án cải tạo nâng cấp mở rộng đường tỉnh 295;
- Dự án đường 398B qua phía Nam trung tâm đô thị, tuyến đường trục chính nối 398B tới đường tỉnh 295, các tuyến liên khu kết nối các khu chức năng của đô thị;
- Dự án xây dựng khu dân cư mới chợ Bì, dự án cải tạo mở rộng ranh giới chợ Bì, các dự án QHCT dân cư mới tại xã Ngọc Thiệu;
- Ưu tiên xây dựng các khu chức năng công trình công cộng đô thị, các trung tâm công viên cây xanh TĐTT, trung tâm y tế, các công trình văn hóa, cải tạo nâng cấp trung tâm hành chính Thị trấn Ngọc Thiệu tạo cơ sở hạ tầng phúc lợi xã hội tốt nâng cao sức hút đầu tư các dự án cho đô thị Ngọc Thiệu.

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Ngọc Thiệu (Bì) huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000).

Điều 3. Sở Xây dựng, UBND huyện Tân Yên chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích